

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**NGÔ THỊ THU HỒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG  
CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NHẪM TĂNG CƯỜNG  
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**Chuyên ngành: Kế toán, tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế  
Mã số: 5.02.11**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Người hướng dẫn khoa học**  
**1. PGS,TS Đoàn Xuân Tiên**  
**2. TS Phạm Tiến Bình**

**HÀ NỘI - 2007**

# MỞ ĐẦU

## 1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Trong những năm gần đây, DNNVV ở nước ta đã và đang phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao nguồn thu của ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm cho người lao động. Cùng với sự phát triển về quy mô, về số lượng DNNVV, vấn đề nâng cao hiệu quả quản lý đối với các DNNVV được đặt ra như một tất yếu khách quan. Trong đó, sử dụng công cụ kế toán- một công cụ quan trọng của hệ công cụ quản lý kinh tế cần phải được nghiên cứu, tổ chức hợp lý và khoa học, vận dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả cao nhất. Đặc biệt là trong những năm qua, với chính sách hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, các doanh nghiệp vừa và nhỏ với nhiều loại hình kinh doanh khác nhau, thuộc sở hữu khác nhau phát triển nhanh về số lượng và chất lượng, hàng loạt chính sách quản lý kinh tế tài chính được bổ sung, sửa đổi phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế trong thời kỳ mới. Trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, luật Kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam đã được ban hành và đi vào cuộc sống là cơ sở pháp lý cao nhất về kế toán, kiểm toán; Bộ Tài chính cũng đã ban hành nhiều văn bản, thông tư hướng dẫn về kế toán, kiểm toán; các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách thuế, luật đất đai, môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Tuy nhiên trên thực tế, việc quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta thông qua công cụ kế toán còn nhiều bất cập, chưa đi vào nền nếp. Đặc biệt là vấn đề tổ chức công tác kế toán, vấn đề cung cấp thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do đó, nghiên cứu đề tài "***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp***" là vấn đề vừa có ý nghĩa về lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn, đồng thời là vấn đề mang tính thời sự cấp thiết, giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý và các DNNVV vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, hoạch định chính sách, quản lý trong quá trình phát triển nền kinh tế nói chung và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng .

## 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu, hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về quản trị doanh nghiệp và tổ chức công tác kế toán trong các

doanh nghiệp nói chung và trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Qua nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng về đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV ở Việt Nam những năm qua, đề tài đề xuất các giải pháp cơ bản hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV, đồng thời đưa ra các điều kiện cần thiết thực hiện các giải pháp đã đề xuất.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Nghiên cứu lý luận cơ bản về quản trị doanh nghiệp và tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV. Thông qua việc nghiên cứu đặc điểm tình hình hoạt động của các DNNVV để nghiên cứu các mô hình tổ chức công tác kế toán áp dụng ở các doanh nghiệp này. Phân tích, đánh giá những ưu điểm và những hạn chế của việc tổ chức công tác kế toán nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa .

### **4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án**

- Luận án đã hệ thống hóa và phân tích những vấn đề lý luận về quản trị doanh nghiệp và tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm nội dung, hệ thống chỉ tiêu quản trị, vai trò của kế toán và mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Luận án đã phân tích một cách có cơ sở khoa học những nội dung, nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thông qua việc khảo sát thực trạng về tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các lĩnh vực kinh doanh, các thành phần kinh tế khác nhau, luận án đã đánh giá khách quan về thực trạng tổ chức công tác kế toán DNNVV trên các góc độ về tổ chức kế toán tài chính và tổ chức kế toán quản trị phục vụ yêu cầu tăng cường quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, luận án nghiên cứu kinh nghiệm về tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV ở một số nước, từ đó, rút ra những bài học hữu ích cho Việt Nam trong tổ chức công tác kế toán đối với các DNNVV.

- Luận án đã đề xuất một số giải pháp hoàn thiện khá toàn diện cả về lý luận và thực tiễn cho việc tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV.

### **5. Kết cấu luận án**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục luận án được kết cấu thành ba chương:

# Chương 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

### 1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

#### 1.1.1 Nội dung quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Xác định nội dung quản trị trong doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, tạo điều kiện cho nhà quản trị doanh nghiệp có cơ sở khoa học để quản lý đáp ứng được yêu cầu năng suất, chất lượng và hiệu quả. Nội dung của quản trị doanh nghiệp gồm nhiều vấn đề khác nhau. Song, tựu chung lại gồm các nội dung cơ bản là: Quản trị các yếu tố đầu vào; quản trị các yếu tố đầu ra và quản trị kết quả hoạt động kinh doanh. Mục tiêu của quản trị doanh nghiệp là nhằm đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững, thắng lợi trong cạnh tranh và thu lợi nhuận tối đa trên cơ sở tuân thủ pháp luật. Yêu cầu cơ bản của quản trị doanh nghiệp thường gắn với chức năng lập kế hoạch, dự toán, tổ chức điều hành, kiểm tra và ra quyết định.

- Quản trị các yếu tố đầu vào: Vấn đề này có nhiều quan điểm khác nhau:

+ Theo quan điểm của các nhà khoa học Đại học Kinh tế quốc dân thì các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp bao gồm các yếu tố cần thiết để thực hiện quá trình SXKD như sức lao động, tư liệu lao động và vốn.

+ Theo quan điểm của các nhà khoa học Học viện Tài chính thì ngoài các yếu tố có thể lượng hóa được bằng chỉ tiêu tiền tệ còn có những yếu tố không thể lượng hóa được như phẩm chất, đạo đức, trình độ chuyên môn, khả năng ứng xử□

Sau khi phân tích các quan điểm nói trên, tác giả luận án đưa ra quan điểm của mình về các yếu tố đầu vào, đó là TS dài hạn, ngắn hạn và các loại dịch vụ cùng với sức lao động có trình độ chuyên môn, có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp. Các yếu tố này được kết hợp với nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD nhằm tạo ra SP có chất lượng, có sức cạnh tranh cao với chi phí hợp lý.

- Quản trị các yếu tố đầu ra: Các yếu tố đầu ra của doanh nghiệp, đó là doanh thu, thu nhập khác. Ngoài việc quản trị các yếu tố này, luận án

cũng khẳng định rằng cần thiết phải quản trị các yếu tố liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Quản trị kết quả hoạt động kinh doanh: Để quản trị tốt kết quả kinh doanh, trước hết cần quản trị tốt các yếu tố đầu vào và đầu ra, tính toán, so sánh giữa doanh thu và chi phí của từng loại SP, dịch vụ, từng nhóm hàng hóa, đồng thời cần tính toán hiệu quả của đồng vốn bỏ vào kinh doanh..

### **1.1.2 Xác định hệ thống chỉ tiêu quản trị trong doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Xuất phát từ chức năng quản lý từng bộ phận trong doanh nghiệp để xác định chỉ tiêu quản trị cho phù hợp. Đối với chức năng quản trị cung ứng, các chỉ tiêu quản trị gồm: Số lượng vật tư đảm bảo cho sản xuất; giá trị vật tư đảm bảo cho sản xuất. Đối với chức năng quản trị nhân sự, các chỉ tiêu quản trị nhân sự bao gồm: Số lao động trực tiếp sản xuất trên tổng số lao động của doanh nghiệp; trình độ tay nghề của người lao động. Đối với chức năng quản trị tác nghiệp gồm nhiều khâu trong quá trình quản lý nên cần xác định riêng các chỉ tiêu cho quản trị sản xuất, công tác quản lý chi phí sản xuất, dịch vụ và giá thành sản phẩm. Đối với các loại tài sản ngắn hạn và dài hạn, do tính chất của mỗi loại tài sản này tham gia vào quá trình sản xuất khác nhau nên cũng đòi hỏi phải có các chỉ tiêu quản lý riêng như các chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, các chỉ tiêu về giá trị TSCĐ hiện có, doanh thu trên TSCĐ, lợi nhuận trên giá trị tài sản nói chung và trên TSCĐ nói riêng; các chỉ tiêu về quản trị chi phí như tỷ suất chi phí nhân công trực tiếp, tỷ suất chi phí NVLTT trên giá thành, tỷ suất chi phí sản xuất chung, tỷ suất chi phí quản lý...

## **1.2 VAI TRÒ CỦA KẾ TOÁN TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Vai trò của kế toán trong quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa được nghiên cứu đối với kế toán tài chính và kế toán quản trị, cụ thể là:

Đối với kế toán tài chính trong quản trị doanh nghiệp được phân tích trên các vấn đề về thu nhập, xử lý, cung cấp và phân tích thông tin phục vụ cho việc kiểm tra tình hình thực hiện các kế hoạch kinh tế, tài chính, kế hoạch thu nộp NSNN; phân tích thông tin phục vụ cho công tác quản lý tài sản, khai thác nguồn vốn trong kinh doanh, lập và phân tích báo cáo tài chính.

Đối với kế toán quản trị được phân tích trên các vấn đề về tổ chức thu nhận thông tin quá khứ, thông tin hiện tại và thông tin tương lai phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Muốn vậy, cần xác định chỉ tiêu cần quản lý ở từng bộ phận của doanh nghiệp, đồng thời xử lý và cung cấp các thông tin theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng bộ phận trong doanh nghiệp nhằm quyết định lựa chọn được phương án tốt nhất.

### **1.3 MỐI QUAN HỆ GIỮA QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN**

Giữa quản trị doanh nghiệp và hệ thống thông tin kế toán có mối quan hệ chặt chẽ, được thể hiện trên một số mặt sau đây:

- Thông tin kế toán phục vụ cho việc lập kế hoạch, dự toán các chỉ tiêu kinh tế tài chính của doanh nghiệp.
- Với chức năng kiểm tra, để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch, dự toán cần so sánh thực tế với kế hoạch, thực tế kỳ này với thực tế kỳ trước.
- Với chức năng ra quyết định, thông tin kế toán thường là yếu tố chính trong việc ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp.

### **1.4 TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

- Luận án trình bày và phân tích một số quan điểm khác nhau về tổ chức công tác kế toán và rút ra quan điểm riêng của tác giả.
- Theo quan điểm riêng của tác giả thì *tổ chức công tác kế toán là việc tổ chức nhân sự kế toán, thực hiện các phương pháp kế toán thích hợp với yêu cầu thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ điều hành hoạt động SXKD*

#### **1.4.1 Nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Luận án phân tích các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ Luật kế toán, chuẩn mực kế toán, các chế độ chính sách kinh tế tài chính, kế toán và các chính sách vĩ mô khác của nhà nước đã ban hành;
- Phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động SXKD và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ kế toán;
- Đảm bảo thống nhất giữa kế toán và quản lý, cung cấp kịp thời, trung thực và đầy đủ các thông tin về hoạt động SXKD phục vụ yêu cầu quản lý;

- Đảm bảo tính tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh;

#### **1.4.2 Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa**

- Tổ chức bộ máy kế toán hợp lý để thực hiện các công việc kế toán trong doanh nghiệp, bao gồm phân công, phân nhiệm công việc kế toán theo từng bộ phận phù hợp với hình thức tổ chức công tác kế toán;
- Tổ chức thực hiện các phương pháp kế toán, chế độ kế toán, vận dụng nguyên tắc kế toán, chuẩn mực kế toán và tổ chức sử dụng phương tiện tính toán để thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng;
- Xác định rõ mối quan hệ giữa các bộ phận kế toán với các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp về các công việc có liên quan đến công tác kế toán nhằm đảm bảo sự thống nhất trong cung cấp thông tin;

#### **1.4.3 Nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Nội dung tổ chức công tác kế toán trong DNNVV bao gồm:

- Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm tổ chức SXKD và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên kế toán;
- Tổ chức thực hiện các phương pháp kế toán để thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý, bao gồm: tổ chức hệ thống chứng từ kế toán và ghi chép ban đầu; tổ chức vận dụng tài khoản kế toán; tổ chức hình thức kế toán; tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính; tổ chức kiểm tra kế toán;

Các nội dung trên được áp dụng cho cả kế toán tài chính và kế toán quản trị. Song, mỗi loại kế toán này có yêu cầu cụ thể khác nhau nên khi tổ chức công tác kế toán cần phải chú ý để đạt được hiệu quả cao và mang tính khả thi.

- Luận án đi sâu phân tích từng nội dung cụ thể về tổ chức công tác kế toán trên góc độ lý luận, từ đó thấy rõ ưu, nhược điểm của từng hình thức và có quan điểm riêng đối với việc áp dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp trong DNNVV. Mặt khác, luận án cũng phân tích một cách khoa học các yêu cầu của việc thu nhận thông tin kế toán, tổ chức ban đầu các nghiệp vụ ngoại sinh, tổ chức các nghiệp vụ nội sinh.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

### 2.1 QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

#### 2.1.1 Sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa trước khi có luật Doanh nghiệp

- Các DNNVV ở nước ta gồm nhiều loại hình khác nhau, tồn tại và phát triển từ những năm nền kinh tế còn vận hành theo cơ chế tập trung bao cấp và trong thời kỳ đổi mới do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Mỗi giai đoạn phát triển khác nhau, sự hình thành và phát triển của DNNVV cũng có những đặc điểm khác nhau.

- Bằng những số liệu cụ thể, luận án phân tích quá trình phát triển của các DNNVV trong các lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông nghiệp nông thôn. Nếu như năm 1991 cả nước có 270 DNTN, 122 công ty TNHH thì năm 1998 số DNTN tăng lên gấp 70 lần ( 18.750 DN ). Đặc điểm cơ bản nhất của các DNNVV trong thời kỳ này là phần lớn thuộc sở hữu nhà nước và tập thể, tập trung nhiều trong lĩnh vực công nghiệp và thủ công nghiệp, sản xuất mang tính chuyên ngành, chủ yếu hoạt động trong nước, quy mô vốn và lao động ít, trình độ quản lý thấp, trình độ kỹ thuật lạc hậu và sức cạnh tranh yếu.

#### 2.1.2 Sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa sau khi có luật doanh nghiệp

Sau khi luật Doanh nghiệp có hiệu lực thi hành (01/2000) đã tác động tích cực đến quá trình cải cách kinh tế ở nước ta, tạo sự biến đổi sâu sắc trong tư duy kinh tế, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng và thuận tiện, giải phóng lực lượng sản xuất và thay đổi phương thức quản lý. Thời kỳ này DNVVN tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng ở tất cả các lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông nghiệp nông thôn. Chỉ trong vòng 3 năm 2001 - 2004 đã có 105.842 DNNVV đăng ký mới đưa tổng số DN lên 165.000 DN với tổng số vốn đăng ký là 535.000 tỷ đồng. DN đăng ký nhiều nhất ở miền Đông Nam Bộ chiếm 40,7% với số vốn đăng ký là 44.614 tỷ đồng và đông bằng sông hồng (29,8%) với số vốn 42.284 tỷ



đồng (34,6%), riêng Hà Nội và thành phố HCM chiếm 52% số lượng DN đăng ký của cả nước và khoảng 50% tổng số vốn đăng ký. Đặc điểm cơ bản của thời kỳ này là tốc độ phát triển của các DNNVV ngoài nhà nước tăng nhanh trong các ngành, các lĩnh vực; đại bộ phận các doanh nghiệp sản xuất mang tính tổng hợp, quan hệ kinh tế với nước ngoài được mở rộng; quy mô vốn và lao động đã có xu hướng tăng lên; trình độ quản lý và trình độ kỹ thuật tăng hơn.

- Luận án phân tích rõ những đặc điểm cơ bản của DNNVV ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán, đó là: hiện nay DNNVV thuộc các thành phần kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn, hoạt động của các DNNVV có tính linh hoạt cao, dễ thích ứng với cơ chế thị trường, quy mô vốn ít, lao động thủ công, lạc hậu, địa bàn hoạt động hẹp, ít có các đơn vị trực thuộc, trình độ tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động còn hạn chế, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán, lựa chọn hình thức kế toán, danh mục tài khoản kế toán tài chính và kế toán quản trị áp dụng và ảnh hưởng đến việc áp dụng hệ thống báo cáo tài chính.

## **2.2 VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM**

DNNVV có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia. Đặc biệt, đối với nước ta, một nước có nền kinh tế mới khởi sắc, đang trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Điều đó, được thể hiện trên một số mặt sau đây:

*Một là*, trong nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực số lượng DNNVV chiếm tỷ trọng lớn và là bộ phận cấu thành không thể thiếu được, gắn chặt với các doanh nghiệp lớn, có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho quá trình phát triển, là nội tiêu thụ sản phẩm, cung cấp NVL thúc đẩy doanh nghiệp lớn phát triển;

*Hai là*, DNNVV phát triển góp phần quan trọng trong việc giải quyết các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước. Từ năm 1999 đến nay, hàng năm DNNVV đóng góp 26- 28% GDP của cả nước, tạo ra trên 30% giá trị tổng sản lượng công nghiệp và gần 70% tổng khối lượng vận chuyển hàng hóa. Sự đóng góp này của DNNVV ngày càng tăng lên đối với sản xuất công nghiệp. Tạo việc làm cho người lao động: Theo báo cáo điều tra của Viện Nghiên cứu quản lý TW cho thấy các DNNVV trong khu vực kinh tế tư nhân trung bình cứ 70 triệu đến 100 triệu đồng vốn đầu tư tạo ra được 1

chỗ làm việc. Năm 2005 các DNNVV đã thu hút khoảng 27% lực lượng lao động phi nông nghiệp trong cả nước, con số này đã tăng lên 34,5% năm 2006. Đóng góp vào nguồn thu của NSNN và tăng thu nhập của dân cư, góp phần ổn định xã hội. Theo nguồn tài liệu từ Bộ Tài chính thì năm 2005 DNVVN đóng góp khoảng 26% GDP, 31% giá trị tổng sản lượng công nghiệp, 78% tổng mức bán lẻ và 64% tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

## **2.3 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.3.1 Hệ thống kế toán Việt Nam ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Luận án đã nghiên cứu thực trạng của hệ thống kế toán Việt Nam theo các giai đoạn trước 1989, giai đoạn từ 1989 đến 1995 và giai đoạn từ 1996 đến nay. Qua đó, thấy rõ những ảnh hưởng từ môi trường pháp lý về kế toán đến tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV. Mỗi giai đoạn phát triển khác nhau của nền kinh tế, đòi hỏi các chính sách quản lý kinh tế tài chính phải đổi mới cho phù hợp. Do đó, các chính sách kế toán cũng cần được đổi mới. Trên thực tế, trong những năm qua kế toán đã có sự đổi mới đáng kể, góp phần vào quản lý kinh tế tài chính cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Nhất là các văn bản pháp lý về kế toán ngày càng được hoàn thiện, điển hình là Luật Kế toán Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2003 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2004 và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam được công bố đã tạo môi trường pháp lý cho các DN nói chung và các DNNVV nói riêng vận dụng vào công tác quản lý kinh tế tài chính thông qua công cụ kế toán- một công cụ quản lý có hiệu quả.

### **2.3.2 Thực trạng về hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa**

- Từ trước năm 1996, khi Nhà nước chưa ban hành chế độ kế toán áp dụng cho DNNVV thì các DN không phân biệt quy mô đều áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định 1141-TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995. Từ năm 1997 khi Quyết định 1177-TC/QĐ/CĐKT được ban hành áp dụng cho các DNVVN thì cũng chỉ có số ít các DNVVN thuộc sở hữu nhà nước áp dụng, dần dần đến nay đã có phần lớn các DNVVN áp dụng chế độ kế toán này. Đặc biệt là ngày 14/9/2006 Bộ Trưởng Bộ Tài chính đã có Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ban hành chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh

ng nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Đó là căn cứ quan trọng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện tổ chức công tác kế toán phù hợp với thực tế hiện nay.

*Về tổ chức bộ máy kế toán:* Qua khảo sát một số DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội, HCM, Hải Phòng, Hà Tây, Bắc Giang cho thấy hầu hết các doanh nghiệp lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung và chưa chú ý đến kế toán quản trị.

*Về tổ chức hạch toán ban đầu:* Hầu hết các DNNVV chỉ thực hiện tốt việc vận dụng các chứng từ bắt buộc còn các chứng từ hướng dẫn được sử dụng ít và không đảm bảo; việc ghi chép ban đầu trên một số loại chứng từ ở các DN khác nhau không có sự thống nhất theo chế độ quy định.

*Về luân chuyển chứng từ:* Một số DN có quy trình luân chuyển chứng từ khá chặt chẽ và tránh được các khâu trung gian nên công tác cung cấp thông tin kế toán được kịp thời. Song, còn nhiều DN không xây dựng được kế hoạch luân chuyển chứng từ. Do đó, việc cung cấp và xử lý thông tin kế toán còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng không ít đến công tác quản lý.

*Về tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán:* Trên cơ sở hệ thống tài khoản kế toán đã được Nhà nước ban hành, các DNNVV căn cứ vào đặc điểm cụ thể của đơn vị để lựa chọn các tài khoản kế toán thích hợp. Số lượng các tài khoản được lựa chọn tùy thuộc vào tính chất và lĩnh vực kinh doanh của từng doanh nghiệp. Ví dụ, Công ty Thương mại tổng hợp Hà Nội, việc mã hóa tài khoản được thực hiện theo trình tự sau :

- Tài khoản cấp 1, có 3 chữ số, tài khoản cấp 2 có 4 chữ số theo quy định của hệ thống tài khoản. Tài khoản cấp 3 có 5 chữ số và tài khoản cấp 4 có 6 chữ số được quy định theo yêu cầu quản lý cụ thể của đơn vị nhằm mục đích phục vụ cho kế toán quản trị. Qua khảo sát thực tế, luận án chỉ ra rằng, đại bộ phận các DNNVV hiện nay không sử dụng TK 151 - Hàng mua đang đi đường cuối tháng. Một số Công ty không sử dụng TK 157 - Hàng gửi bán mà khi phát sinh nghiệp vụ này kế toán ghi ngay vào TK 632 - Giá vốn hàng bán như công ty Thương mại Tràng Thi, công ty cổ phần Bánh tôm Hồ Tây, công ty Giày Thượng Đình, công ty Diêm Thống Nhất, công ty Hỗ trợ phát triển tin học mặc dù nghiệp vụ này vẫn phát sinh thường xuyên. Một số công ty khác không phản ánh giá trị vật liệu phụ ở TK 152 - Nguyên liệu và vật liệu mà ghi vào TK 153 - Công cụ và dụng cụ như công ty Thương mại Tràng thi, công ty cổ phần Dịch vụ Đống Đa, công ty cổ phần Bánh tôm Hồ Tây □ Trường hợp hàng tồn kho bị thiếu hụt,

mất mát trong quá trình bảo quản, hầu hết các DN ghi vào chi phí bán hàng trong kỳ như công ty cổ phần Tấm lợp Đông Anh, công ty Hỗ trợ phát triển tin học, công ty cổ phần Liên hợp Hà Tây□ và đại bộ phận các DN không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho hoặc dự phòng phải thu khó đòi□

***Về tổ chức áp dụng hình thức kế toán:***

Qua khảo sát thực tế cho thấy đại bộ phận các DNNVV áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, chỉ có một số ít doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, cá biệt vẫn còn những đơn vị áp dụng hình thức kế toán NKCT.

***Về báo cáo tài chính:***

Qua khảo sát thực tế cho thấy, đại bộ phận các DNNVV thuộc sở hữu nhà nước chấp hành khá đầy đủ về số lượng các báo cáo tài chính phải lập theo quy định, tuân thủ chế độ ghi chép báo cáo, kết cấu mẫu biểu và phương pháp lập các chỉ tiêu trong báo cáo. Tuy nhiên, không ít doanh nghiệp còn một số tồn tại như thời hạn lập và nộp báo cáo thường chậm so với chế độ quy định; một số chỉ tiêu trong báo cáo chưa phản ánh đầy đủ số liệu như các chỉ tiêu dự phòng, chỉ tiêu chênh lệch giữa giá trị hàng tồn kho trình bày trên BCDKT với giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tính theo một trong các phương pháp quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25. Trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu chi phí hàng tồn kho chỉ được phản ánh theo giá gốc của hàng đã bán, không bao gồm các khoản hao hụt, mất mát; chi phí chung không được phân bổ hoặc phân bổ theo tiêu thức chưa hợp lý.

Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước bao gồm công ty TNHH, công ty tư nhân, công ty hợp danh, công ty cổ phần, các HTX (*trừ HTX nông nghiệp và HTX tín dụng*), các đơn vị này hầu hết là có quy mô nhỏ nên thường áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung, áp dụng hệ thống kế toán theo quyết Qinh số 1177-TC/QĐ/CDKT ngày 23/12/1996 và các quy định sửa đổi, bổ sung theo Quyết định 144/2001/QĐ-BTC ngày 21/12/2001 và gần đây là Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006. Các báo cáo tài chính thường đơn giản hơn so với các báo cáo của các doanh nghiệp lớn của nhà nước. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp ngoài nhà nước không tôn trọng quy trình lập, nộp và gửi báo cáo cho các cơ quan liên quan. Theo số liệu của vụ chính sách Bộ tài chính năm 2005 cả nước chỉ có từ 12% đến 16% các doanh nghiệp nộp báo cáo đầy đủ và đúng hạn.

### **Đối với kế toán quản trị**

Đại bộ phận các doanh nghiệp kể cả doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước đều chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của loại kế toán này. Mặt khác, từ trước năm 1996 ở nước ta chưa có quan niệm về loại kế toán quản trị, do đó nội dung của kế toán quản trị kể cả những người có chuyên môn đều chưa hiểu một cách thấu đáo.

Việc phân loại chi phí phục vụ cho kế toán quản trị chưa có căn cứ khoa học, chỉ nặng về cảm tính; việc lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ chi phí liên quan đến nhiều đối tượng cũng chưa đảm bảo chính xác, phần lớn các doanh nghiệp phân bổ chi phí theo tổng doanh thu bán hàng; việc xác định chỉ tiêu quản lý và công tác lập dự toán cho các chỉ tiêu chi tiết nhiều nơi chưa thực hiện được; việc lập báo cáo quản trị và phân tích quản trị nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc ra quyết định của nhà quản trị chưa kịp thời, thậm chí nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện.

## **2.4 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

### **2.4.1 Ưu điểm**

*Một là*, về khuôn khổ pháp lý của kế toán : Nhà nước đã thực sự quan tâm đối với công tác kế toán, thường xuyên đổi mới, sửa đổi các nội dung của hệ thống kế toán Việt Nam nhằm phù hợp với sự vận động, phát triển của nền kinh tế, phù hợp với chuẩn mực, nguyên tắc kế toán quốc tế và quốc gia. Đặc biệt là luật Kế toán Việt Nam được ban hành đã tạo khung pháp lý cao nhất cho kế toán Việt Nam phát triển trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới.

*Hai là*, việc thực hiện chế độ kế toán trong các DNNVV thuộc sở hữu nhà nước nhìn chung là khá tốt, đã thực sự phát huy vai trò của kế toán trong công tác quản lý, thể hiện qua việc vận dụng hệ thống kế toán vào thực tế kịp thời, đúng đắn. Đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước cũng có nhiều doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán phù hợp nên đã thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin kế toán phục vụ quản trị doanh nghiệp một cách kịp thời.

*Ba là*, trong quá trình phát triển DNNVV, sự hỗ trợ của nhà nước thông qua việc đổi mới, hoàn thiện dần chế độ kế toán nhằm tạo ra sự thống nhất, phù hợp đối với DNNVV thuộc mọi lĩnh vực và mọi thành phần kinh tế. Do đó, tạo thuận lợi cho các đối tượng này quản lý tốt quá trình SXKD.

### 2.4.2 Hạn chế

Việc áp dụng chế độ kế toán ở các DNNVV thuộc sở hữu khác nhau chưa có sự thống nhất, gây không ít khó khăn cho công tác kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng. Công tác hướng dẫn, kiểm tra của các hội nghề nghiệp tuy có tiến bộ nhưng còn hạn chế, đặc biệt đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Công tác kế toán quản trị còn nhiều bất cập, nhà nước chưa có hướng dẫn cụ thể và trình độ của người làm kế toán còn hạn chế.

Việc ghi chép các yếu tố, nội dung trên chứng từ kế toán chưa đầy đủ; công tác kiểm tra, xử lý chứng từ chưa thường xuyên, nhất là các DNNVV ngoài nhà nước, chứng từ chưa lập đúng mẫu còn nhiều chứng từ viết tay, không đảm bảo tính pháp lý.

Việc ghi chép trên tài khoản kế toán chưa đúng nội dung kinh tế, đặc biệt là việc sử dụng các TK chi tiết để phản ánh các nội dung cần theo dõi chi tiết. Trong một số phân hành, một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở một số TK kế toán còn lẫn lộn và chưa có sự thống nhất theo chế độ kế toán chung.

Việc thực hiện chế độ báo cáo kế toán còn nhiều tồn tại cả về thời hạn lập và nộp báo cáo cũng như phương pháp trình bày trên các báo cáo còn nhiều thiếu sót; công tác phân tích báo cáo kế toán chưa được quan tâm đúng mức.

Đội ngũ những người làm kế toán còn yếu về chuyên môn nghiệp vụ, nhất là các DNNVV ngoài nhà nước. Kế toán quản trị chưa được quan tâm nên chưa có cơ sở cho các nhà quản lý quyết định phương án kinh doanh tối ưu.

#### **Nguyên nhân hạn chế**

Luận án đã phân tích rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan :

*Nguyên nhân khách quan:*

- Nguyên nhân khách quan trước hết phải kể đến là chưa có sự thống nhất về chế độ kế toán giữa các DNNVV thuộc các lĩnh vực và các thành phần kinh tế khác nhau;

- Sự hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan hữu quan của nhà nước và hội nghề nghiệp chưa thường xuyên và chưa cụ thể

*Nguyên nhân chủ quan:*

- Nhận thức của các DNNVV đối với tổ chức công tác kế toán còn hạn chế

- Đội ngũ những người làm công tác quản lý và công tác kế toán còn nhiều hạn chế, phần lớn là chưa qua đào tạo lại không được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý thường xuyên.

## **2.5 KINH NGHIỆM TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm về tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV của Nhật bản, Cộng hòa Pháp, Mỹ và rút ra một số bài học hữu ích cho Việt Nam.

*Một là*, tổ chức công tác trong doanh nghiệp nói chung và trong DNVVN nói riêng đều bao gồm tổ chức kế toán tài chính và tổ chức kế toán quản trị.

*Hai là*, Tổ chức kế toán tài chính và tổ chức kế toán quản trị có thể theo mô hình tách rời hoặc theo mô hình kết hợp. Điều này phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp về đặc điểm tổ chức quản lý, về yêu cầu và trình độ của người quản lý và người làm kế toán;

*Ba là*, Tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV vừa phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc kế toán quốc gia, vừa phải đảm bảo kết hợp hài hòa với các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý từng chỉ tiêu quản trị của mỗi doanh nghiệp.

### **Chương 3**

## **HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

### **3.1 NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA VIỆC HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Luận án đã phân tích những yêu cầu cơ bản, đó là:

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong DNNVV phải phù hợp với đặc thù về quản lý kinh tế tài chính và tôn trọng các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong DNNVV phải đảm bảo phù hợp với định hướng đổi mới và phát triển hệ thống doanh nghiệp Việt Nam.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong DNNVV phải đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin kinh tế tài chính cho quản lý kinh tế cả ở tầm vĩ mô và vi mô.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong DNNVV phải đảm bảo tính hiệu quả và có tính khả thi.

## **3.2 NỘI DUNG CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN CẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

### **3.2.1 Hoàn thiện các nội dung thuộc môi trường pháp lý về kế toán**

#### ***Về luật Kế toán:***

Tiếp tục triển khai việc hướng dẫn Luật ra phạm vi toàn xã hội thông qua các văn bản cụ thể để doanh nghiệp thực hiện. Đồng thời, hàng năm phải có sự kiểm tra, tổng kết của các cơ quan chức năng đối với việc chấp hành luật của các doanh nghiệp nhằm có biện pháp kịp thời xử lý những hiện tượng vi phạm.

#### ***Về hệ thống chuẩn mực kế toán:***

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán hiện hành, đảm bảo việt hóa các nội dung chuẩn mực hơn nữa, sau thời gian triển khai thực hiện cần có tổng kết, đánh giá để sửa chữa, bổ sung kịp thời cho phù hợp với đặc điểm Việt Nam và mang tính khả thi.

- Thống nhất hệ thống kế toán sử dụng cho các DNNVV thuộc mọi thành phần kinh tế và mọi lĩnh vực kinh doanh, đồng thời cần có sự hướng dẫn cơ bản về kế toán quản trị của các hội nghề nghiệp đối với DN nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao trình độ nghề nghiệp chuyên môn về kế toán.

#### ***Về chế độ kế toán:***

Cần có sự thống nhất về hệ thống kế toán áp dụng cho các DNNVV thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hệ thống kế toán này chỉ quy định những vấn đề chung nhất mang tính bắt buộc về kế toán tài chính và những hướng dẫn cơ bản về kế toán quản trị.

### **3.2.2 Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhỏ vừa**

#### ***3.2.2.1 Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán***

Tùy thuộc và quy mô, đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp để lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán. Song, các DNNVV nên áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong các phân hành của bộ máy kế toán. Để thực hiện điều này, cần giải quyết tốt các vấn đề về xác định khối lượng công việc kế toán cần thực hiện; xác định số lượng phân hành kế toán của bộ máy kế toán; xác định số lượng và chất lượng của đội ngũ người làm kế toán trong từng phân hành hợp lý; tổ chức phân công, phân định nhiệm vụ của từng phân hành một cách khoa học và hợp lý nhằm đảm bảo thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ cho việc điều hành của nhà quản trị;



Luận án đi sâu nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung của các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và mô hình tổ chức công tác kế toán DNNVV hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Do đặc điểm kinh doanh khác nhau giữa các DN thuộc hai lĩnh vực này nên việc bố trí các phân hành kế toán trong bộ máy kế toán cũng có sự khác nhau.

### ***3.2.2.2 Hoàn thiện về tổ chức hệ thống chứng từ kế toán và ghi chép ban đầu***

Nội dung cơ bản của hoàn thiện tổ chức hệ thống chứng từ và ghi chép ban đầu bao gồm:

*Một là*, Hoàn thiện hệ thống chứng từ áp dụng trong các DNNVV

Ngoài hệ thống chứng từ đã được quy định trong chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC, các DNNVV cần bổ sung thêm các chứng từ kế toán thuộc chỉ tiêu chứng khoán và chỉ tiêu phân phối lợi nhuận, đồng thời quy định rõ tính pháp lý của chứng từ điện tử.

*Hai là*, Hoàn thiện quy định về lập chứng từ kế toán

Bổ sung thêm các quy định về lập chứng từ kế toán đối với DNNVV thuộc loại hình công ty cổ phần. Quy định thời điểm lập chứng từ kế toán và có kế hoạch sử dụng chứng từ điện tử cũng như có kế hoạch bảo mật dữ liệu trên máy tính.

*Ba là*, Hoàn thiện quy trình luân chuyển và kiểm tra chứng từ

DN phải có kế hoạch về quy trình luân chuyển chứng từ, đảm bảo tránh được khâu trung gian và kịp thời cập nhật thông tin vào sổ kế toán. Quy định rõ nội dung, phương pháp kiểm tra chứng từ để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc ghi sổ kế toán.

*Bốn là*, hoàn thiện các quy định về in ấn và phát hành chứng từ kế toán nội bộ

Đối với các DNNVV được phép in ấn chứng từ nội bộ, cần quy định cụ thể về việc đăng ký mẫu biểu từng loại, nơi in ấn và sê ri của chứng từ.

### ***3.2.2.3 Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức vận dụng tài khoản kế toán đáp ứng yêu cầu của kế toán tài chính và kế toán quản trị***

Nội dung quan trọng của tổ chức công tác kế toán trong DNNVV phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

- Hệ thống tài khoản kế toán phải được xây dựng phù hợp với đặc điểm kinh doanh của các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, đảm bảo đủ

các tài khoản kế toán tổng hợp và tài khoản kế toán chi tiết phục vụ cho kế toán tài chính và kế toán quản trị;

- Hệ thống tài khoản kế toán phải được xây dựng phù hợp với các văn bản pháp quy về quản lý kinh tế tài chính, quản lý thuế, đồng thời phù hợp với thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế và quốc gia;

- Hệ thống tài khoản kế toán phải được xây dựng phù hợp với nguyên tắc đơn giản, dễ làm, dễ vận dụng, đồng thời phù hợp với trình độ chuyên môn của những người làm kế toán và cán bộ quản lý trong DNNVV.

Việc hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán DNNVV cần đảm bảo sự thống nhất tương đối với hệ thống tài khoản kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Ngoài các tài khoản tổng hợp phục vụ cho kế toán tài chính thì cần thiết phải có các tài khoản chi tiết phục vụ cho kế toán quản trị.

Luận án cũng đã đưa ra cơ sở cho việc xác định lại tên gọi của một số loại TK; đổi tên và thiết lập thêm một số TK nhằm đảm bảo sự thống nhất nội dung phản ánh và tên gọi của TK như TK121 - Đầu tư tài chính ngắn hạn thành TK121- Đầu tư ngắn hạn và bổ sung các TK cấp 2 của TK này; đổi tên TK 131 - Phải thu của khách hàng thành TK131 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Đổi tên TK133 - Thuế GTGT được khấu trừ thành TK133 - Thuế GTGT đầu vào và đổi tên các TK cấp 2 của TK này theo cách tương tự□

- Các DNNVV căn cứ vào đặc điểm cụ thể để tổ chức vận dụng hệ thống TK kế toán đáp ứng yêu cầu kế toán tài chính và kế toán quản trị trên cơ sở hệ thống TK kế toán chung nhà nước đã ban hành. Cụ thể là:

*Về kế toán tài chính:* mở 2 TK cấp 2 thuộc tài khoản 131 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng là TK 1311 - Phải thu ngắn hạn trong hạn và TK 1312 - Phải thu ngắn hạn quá hạn. Mở các TK cấp 2 thuộc TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phản ánh từng loại chi phí sản xuất; mở thêm TK231 - Phải thu dài hạn của khách hàng và có các TK cấp 2 tương ứng...

*Về kế toán quản trị:* Trong kế toán quản trị, DN cần căn cứ vào điều kiện kinh doanh cụ thể để tổ chức các thông tin thích hợp ngay từ khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực sự hoàn thành. Trong các phân hành kế toán cần xác định rõ các tài khoản chi tiết đến cấp 3, cấp 4... và mã hóa theo các ký tự phù hợp với từng chỉ tiêu quản lý.

### **3.2.2.4 Hoàn thiện tổ chức hệ thống báo cáo tài chính và hệ thống báo cáo kế toán quản trị**

#### *Hoàn thiện tổ chức báo cáo tài chính*

Các thông tin kế toán trên báo cáo tài chính cần hoàn thiện theo hướng sau:

Đối với các thông tin phản ánh trên BCĐKT cần có các thông tin về giá trị lợi thế thương mại đem lại do vị trí, địa điểm kinh doanh, giá trị quyền sử dụng đất và một số giá trị TSCĐ vô hình khác. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế tính trích khấu hao TSCĐ và vấn đề xác định giá trị doanh nghiệp; Các khoản phải thu cần phản ánh riêng phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn.

Đối với các thông tin phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, để có sự phù hợp giữa chế độ kế toán với các quy định của Luật thuế thì cần thiết phải bổ sung thêm các chỉ tiêu Các khoản điều chỉnh lãi/lỗ trước thuế và tổng thu nhập chịu thuế, chỉ tiêu cổ tức trên mỗi cổ phiếu dùng cho các công ty cổ phần;

Đối với các thông tin trên thuyết minh báo cáo tài chính, cần bổ sung thêm các nội dung như: thông tin về phương thức bán hàng trả chậm, thông tin về chứng khoán sẽ bán để thu hồi vốn vào cuối kỳ kế toán.

#### *Hoàn thiện báo cáo quản trị*

Để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp, báo cáo kế toán quản trị cần hoàn thiện theo hướng thiết lập một số báo cáo chính như báo cáo quản trị chi phí sản xuất, báo cáo quản trị chi phí sản xuất chung, báo cáo quản trị giá thành.

### **3.2.3 Hoàn thiện công tác phân tích tài chính**

Hoàn thiện phân tích tài chính, trước hết phải hoàn thiện về tổ chức công tác phân tích tài chính, bao gồm các công việc lập kế hoạch phân tích; thực hiện kế hoạch phân tích và lập báo cáo phân tích;

Để công tác phân tích tài chính thực hiện tốt thì trước khi phân tích cần phải kiểm tra tính xác thực của các thông tin đã trình bày trên các BCTC. Sau khi công việc kiểm tra được hoàn tất, tiến hành phân tích tài chính thông qua các báo cáo tài chính chủ yếu như:

- Thông qua BCĐKT để xem xét quy mô, tốc độ phát triển của tổng tài sản và từng loại tài sản trong doanh nghiệp; xem xét tính hợp lý về cơ cấu tài sản, đồng thời phải phân tích các chỉ tiêu tỷ suất đầu tư chung, tỷ suất đầu tư ngắn hạn, tỷ suất đầu tư dài hạn, tỷ xuất tự tài trợ

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Khi phân tích cần chú trọng phân tích mối quan hệ giữa tốc độ tăng doanh thu, tốc độ tăng lợi nhuận và tốc độ tăng chi phí để xem xét tính hiệu quả trong kinh doanh. Mặt khác, cần chú ý đến các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận nhằm có giải pháp hữu hiệu điều chỉnh phương án kinh doanh hợp lý.

- Thông qua báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Khi phân tích cần lưu ý đến sự hình thành hợp lý và sử dụng có hiệu quả các luồng tiền sẽ dẫn đến khả năng tài chính của doanh nghiệp là tốt hoặc ngược lại.

### **3.3 HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU QUẢN TRỊ NHẪM CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

#### **3.3.1 Yêu cầu cơ bản hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu quản trị**

Luận án đã phân tích các yêu cầu cơ bản hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu quản trị, đó là:

*Thứ nhất*, hệ thống chỉ tiêu quản trị phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý cụ thể của mỗi doanh nghiệp;

*Thứ hai*, hệ thống chỉ tiêu quản trị phải đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cho nhà quản trị có cơ sở tin cậy để ra quyết định quản lý tốt nhất

*Thứ ba*, Hệ thống chỉ tiêu quản trị phải đảm bảo đơn giản, rõ ràng, phù hợp với trình độ quản lý và trình độ kế toán trong các DNNVV hiện nay.

#### **3.3.2 Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu quản trị theo từng đối tượng quản trị**

Trên cơ sở phân tích yêu cầu quản trị đối với từng đối tượng quản trị, luận án hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu theo các đối tượng quản trị, đó là :

- *Đối với quản trị tài sản*

Tài sản của DNNVV gồm Tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn, do đó các chỉ tiêu cần hoàn thiện trong quản trị Tài sản dài hạn là: Hiệu quả sử dụng TSCĐ; doanh thu thuần trên nguyên giá TSCĐ và lợi nhuận thuần trên nguyên giá TSCĐ

Các chỉ tiêu quản trị tài sản ngắn hạn gồm các chỉ tiêu quản trị các khoản phải thu như hệ số thu nợ của khách hàng được chia thành chỉ tiêu hệ số nợ phải thu ngắn hạn và chỉ tiêu hệ số nợ phải thu dài hạn; Đối với

hàng tồn kho, hoàn thiện các chỉ tiêu mức độ đảm bảo NVL, hàng hóa cho sản xuất kinh doanh

- *Đối với quản trị nguồn vốn*

Các chỉ tiêu quản trị nguồn vốn gồm các chỉ tiêu nợ phải trả được chia ra chỉ tiêu hệ số nợ ngắn hạn phải trả và chỉ tiêu hệ số nợ dài hạn phải trả; tỷ trọng từng nguồn vốn trên tổng nguồn vốn của doanh nghiệp

- *Đối với quản trị chi phí*

Luận án đã nghiên cứu các tiêu chuẩn phân loại chi phí, đồng thời hoàn thiện các chỉ tiêu quản trị chi phí, đó là: Chỉ tiêu tỷ suất chi phí NVLTT; chỉ tiêu tỷ suất chi phí NCTT; chỉ tiêu tỷ suất chi phí SXC và chỉ tiêu tỷ suất chi phí QLDN.

- *Đối với quản trị doanh thu*

Quản trị doanh thu bán hàng cần được chi tiết theo nhóm hàng và theo địa điểm kinh doanh nhằm đảm bảo cung cấp được các thông tin chi tiết về doanh thu theo từng nhóm hàng hay từng địa điểm kinh doanh, vì thế các chỉ tiêu cần hoàn thiện gồm: Chỉ tiêu tỷ suất doanh thu theo nhóm hàng và chỉ tiêu tỷ suất doanh thu theo địa điểm kinh doanh

- *Đối với quản trị kết quả kinh doanh*

Quản trị kết quả kinh doanh cũng cần được chi tiết theo nhóm hàng và theo địa điểm kinh doanh nhằm cung cấp được các thông tin chi tiết về kết quả kinh doanh theo nhóm hàng hay theo địa điểm kinh doanh, do đó các chỉ tiêu cần hoàn thiện gồm: Chỉ tiêu tỷ suất kết quả kinh doanh theo nhóm hàng và chỉ tiêu tỷ suất kết quả kinh doanh theo địa điểm kinh doanh

### Hệ thống chỉ tiêu quản trị theo từng đối tượng và cách tính

Đối tượng quản trị	Chỉ tiêu quản trị	Phương pháp tính
<b>1. Quản trị tài sản</b>	<b>1.1 Tài sản cố định</b>	
	<b>1.1.1 Hiệu quả sử dụng TSCĐ</b>	
	1.1.1.1 Doanh thu thuần/ Nguyên giá TSCĐ	Doanh thu thuần ----- Nguyên giá TSCĐ
	1.1.1.2 Lợi nhuận thuần/ Nguyên giá TSCĐ	Lợi nhuận thuần ----- Nguyên giá TSCĐ
	<b>1. 2. Tài sản ngắn hạn</b>	
	<b>1.2.1 Tiền</b>	
	- Khả năng thanh toán nhanh	Tiền và tương đương tiền ----- Nợ phải trả

<p><b>2. Quản trị Nguồn vốn</b></p>	<p><b>1.2.2. Các khoản phải thu</b></p> <p>1.2.2.1 Hệ số nợ phải thu ngắn hạn</p> <p>1.2.2.2 Hệ số nợ phải thu dài hạn</p> <p><b>1.2.3. Hàng tồn kho</b></p> <p>- Mức đảm bảo NVL, HH cho SXKH</p> <p><b>2.1 Nợ phải trả</b></p> <p>2.1.1 Hệ số nợ phải trả ngắn hạn</p> <p>2.1.2 Hệ số nợ phải trả dài hạn</p> <p><b>2.2 Nguồn vốn chủ sở hữu</b></p> <p>- Tỷ trọng từng nguồn vốn</p>	<p>Số nợ ngắn hạn đã thu</p> <p>-----</p> <p>-Số nợ phải thu ngắn hạn</p> <p>Số nợ dài hạn đã thu</p> <p>-----</p> <p>Số nợ phải thu dài hạn</p> <p>Giá trị NVL, HH tồn kho</p> <p>-----</p> <p>-Tổng giá trị hàng tồn kho</p> <p>Số nợ ngắn hạn đã trả</p> <p>-----</p> <p>Số nợ ngắn hạn phải trả</p> <p>Số nợ dài hạn đã trả</p> <p>-----</p> <p>Số nợ dài hạn phải trả</p> <p>Số tiền theo từng nguồn vốn</p> <p>-----</p> <p>- Tổng nguồn vốn</p>
<p><b>3. Quản trị chi phí</b></p>	<p><b>3.1. Chi phí NVL trực tiếp</b></p> <p>- Tỷ suất chi phí NVLTT</p> <p><b>3.2. Chi phí NCTT</b></p> <p>- Tỷ suất CPNCTT</p>	<p>Số tiền chi phí NVLTT</p> <p>-----</p> <p>- Giá thành sản phẩm</p> <p>Số tiền chi phí NCTT</p> <p>-----</p> <p>Giá thành sản phẩm</p>

	<p><b>3.3. Chi phí sản xuất chung</b></p> <p>- Tỷ suất chi phí SXC</p> <p><b>3.4. Chi phí QLDN</b></p> <p>- Tỷ suất chi phí QLDN</p>	<p>Số tiền chi phí SXC</p> <p>-----</p> <p>Giá thành sản phẩm</p> <p>Số tiền chi phí QLDN</p> <p>-----</p> <p>Tổng doanh thu bán hàng</p>
<b>4. Quản trị doanh thu</b>	<p><b>4.1 Doanh thu bán hàng</b></p> <p>4.1.1 Tỷ suất doanh thu theo nhóm hàng</p> <p>4.1.2 Tỷ suất doanh thu theo địa điểm kinh doanh</p>	<p>Doanh thu từng nhóm hàng</p> <p>-----</p> <p>Tổng doanh thu bán hàng</p> <p>Doanh thu từng địa điểm KD</p> <p>-----</p> <p>Tổng doanh thu bán hàng</p>
<b>5. Quản trị kết quả kinh doanh</b>	<p><b>5.1 Kết quả kinh doanh theo nhóm hàng</b></p> <p>- Tỷ suất kết quả kinh doanh theo nhóm hàng</p> <p><b>5.2 Kết quả kinh doanh theo địa điểm kinh doanh</b></p> <p>- Tỷ suất kết quả kinh doanh theo địa điểm kinh doanh</p>	<p>Kết quả kinh doanh từng nhóm hàng</p> <p>-----</p> <p>Tổng kết quả kinh doanh</p> <p>Kết quả kinh doanh theo từng địa điểm kinh doanh</p> <p>-----</p> <p>Tổng kết quả kinh doanh</p>

### 3.4 ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP

Để các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các DNVVV thực sự đạt được hiệu quả và mang tính ứng dụng cao, luận án đã trình bày và phân tích các điều kiện cơ bản thuộc về phía Nhà nước và thuộc bản thân doanh nghiệp.

Về phía nhà nước cần phải ổn định chính sách vĩ mô, chính sách tài khóa, tiền tệ; xây dựng trợ giúp phát triển DNNVV trong từng thời kỳ, gắn quy hoạch tổng thể với quy hoạch chi tiết về phát triển của toàn bộ nền kinh tế và của từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng lãnh thổ theo thứ tự ưu tiên nhằm thu hút vốn FDI cho sự phát triển DNNVV; thống nhất quản lý nhà nước về chiến lược phát triển; xây dựng hoàn thiện hệ thống luật, các văn bản dưới luật, xóa bỏ các văn bản không phù hợp; tổng kết rút kinh nghiệm về việc triển khai thực hiện luật kế toán, hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho DNNVV.

Về phía các DNNVV cần tổ chức phân cấp công tác quản lý tài chính đối với đơn vị nội bộ, căn cứ vào đặc điểm của doanh nghiệp để thiết lập quy trình thực hiện công tác kế toán phù hợp; tổ chức đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và những người làm kế toán; tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán nhằm nâng cao hiệu suất công tác kế toán và cung cấp thông tin kế toán đầy đủ, kịp thời phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

### KẾT LUẬN

Trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, hệ thống DNNVV phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng, đã khẳng định vị trí của mình và có vai trò to lớn đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp thông qua việc sử dụng công cụ kế toán là vấn đề cần thiết khách quan. Vì vậy, không ngừng đổi mới và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các DNVVN là vấn đề đã và đang được nhiều nhà quản lý quan tâm cả về lý luận và thực tiễn. Đặc biệt, trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới hiện nay. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, luận án "*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp*" đã nghiên cứu và rút ra những kết luận cơ bản sau đây:



*Một*, Hệ thống hóa những lý luận cơ bản về quản trị DNNVV, bao gồm quản trị các yếu tố đầu vào, quản trị các yếu tố đầu ra và quản trị hoạt động. Các vấn đề được nghiên cứu một cách lô gíc và khoa học. Đồng thời, luận án trình bày và phân tích vai trò của kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc cung cấp thông tin phục vụ quản trị doanh nghiệp cũng như mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và tổ chức công tác kế toán.

*Hai*, Thông qua việc khảo sát thực trạng về tổ chức công tác kế toán trong một số DNNVV thuộc các lĩnh vực kinh doanh và thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, luận án đã phân tích những ưu điểm, những tồn tại và nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại trong tổ chức công tác kế toán phục vụ quản trị doanh nghiệp. Các nhận xét, đánh giá mang tính đặc trưng và khách quan, giúp cho các nhà quản trị nhìn thấy thực chất của công tác quản trị trong những năm qua.

*Ba*, Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất các nội dung hoàn thiện về tổ chức công tác kế toán nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ và trung thực cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc đưa ra các quyết định quản trị mang lại hiệu quả cao nhất, bao gồm:

- + Hoàn thiện khung pháp lý về kế toán;
- + Hoàn thiện về tổ chức bộ máy kế toán;
- + Hoàn thiện về tổ chức hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị;
- + Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị.

Đồng thời, luận án cũng nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin kế toán quản trị phục vụ cho chức năng lập dự toán, phục vụ cho công việc kiểm soát, đánh giá và ra quyết định của nhà quản trị.

*Bốn*, Để thực hiện được các giải pháp đã đưa ra, luận án đã đề xuất những điều kiện cơ bản thuộc về phía nhà nước và thuộc về phía các DNNVV. Các điều kiện này coi như những kiến nghị để thực hiện các giải pháp. Cuối cùng cũng phải khẳng định rằng, tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nói chung và tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng là vấn đề cần được nghiên cứu thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế trong giai đoạn mới. Toàn bộ nội dung luận văn thể hiện tính lý luận và thực tiễn một cách khái quát về vấn đề tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Điều này sẽ còn được nghiên cứu tiếp tục, bởi yêu cầu quản lý và trình độ quản lý cũng như trình độ phát triển kinh tế xã hội Việt Nam còn nhiều biến đổi theo chiều hướng phát triển và hội nhập ngày càng sâu rộng./.